TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2165 /NĐND-KHĐTVT V/v Mời báo giá lập DT và KHLCNCC Đơn hàng: Cung cấp vật tư hàng hoá các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026	*Lạng Sơn, ngày 16 tháng 9 năm 2025*

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời Quý đơn vị tham gia báo giá lập dự toán mua sắm vật tư, hàng hoá với các yêu cầu như sau:

I. Yêu cầu đối với vật tư, hàng hoá:

1. Danh mục; đặc tính, thông số kỹ thuật; số lượng vật tư, hàng hoá: chi tiết theo Danh mục vật tư, hàng hoá đề nghị báo giá đính kèm.

2. Yêu cầu về tính hợp lệ; đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, hàng hoá:

- Vật tư, hàng hoá báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, hàng hoá, bao gồm: tên vật tư, hàng hoá; ký mã hiệu; quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; số lượng; nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư, hàng hoá; thời gian bảo hành; địa điểm và tiến độ giao hàng;

- Nhà cung cấp có thể báo giá một phần hoặc toàn bộ khối lượng theo yêu cầu của văn bản mời báo giá;

II. Yêu cầu đối với báo giá:

1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Báo giá của Quý đơn vị được đánh giá là hợp lệ khi có đủ các thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bản chào giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp *(kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương khác)*.

- Cung cấp kèm theo báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước *(thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư, hàng hoá báo giá)*;

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV tại khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn;

III. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 10 giờ 30 phút ngày 01 tháng 10 năm 2025.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV *(Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263; Fax: 02053.844.132; E-mail: naduong@vinacominpower.vn và E-mail: naduongtpc@gmail.com).*

(Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua fax và e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên).

** Trường hợp trong báo giá của các nhà cung cấp thiếu các thông tin (hoặc thông tin cung cấp không rõ ràng) theo yêu cầu tại mục I và mục II của văn bản này, để có cơ sở xem xét báo giá của các nhà cung cấp, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV có thể yêu cầu các nhà cung cấp làm rõ, bổ sung các thông tin cần thiết.*

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV CTCP

Trần Việt Anh

DANH MỤC VẬT TƯ, HÀNG HOÁ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 2165 /NĐND-KHĐTVT ngày 16 tháng 9 năm 2025)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
1	Am pe kìm	KYORITSU 2046R	Cái	9		≥ 06 tháng					
2	Axeton (xăng thơm)		Lít	60		*Không yêu cầu*					
3	Bàn chải đánh răng		Cái	30		*Không yêu cầu*					
4	Bàn chải loại nhỏ		Cái	10		*Không yêu cầu*					
5	Bàn chải nhựa		Cái	4		*Không yêu cầu*					
6	Bàn chải nhựa không cán		Cái	30		*Không yêu cầu*					
7	Bàn chải nhựa loại có cán		Cái	14		*Không yêu cầu*					
8	bàn chải sắt		cái	49		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						cầu					
9	Băng dính điện		Cuộn	500		*Không yêu cầu*					
10	Băng dính nước		Cuộn	300		*Không yêu cầu*					
11	Bao tải		Cái	1000		*Không yêu cầu*					
12	Bát đánh rỉ	D80	cái	200		*Không yêu cầu*					
13	Bạt dứa dày	2 mặt xanh vàng	m2	2340		*Không yêu cầu*					
14	Bép cắt hàn hơi số 3	Mã sản phẩm (Model / Code / Part No: 106HC -3; Đóng gói 5 cái/vỉ; nhãn hiệu Koike	Cái	30		*Không yêu cầu*					
15	Bép cắt Plasma	SG51inox (1 bộ gồm bép cắt+ điện cực)	bộ	44		*Không yêu cầu*					
16	Bìa amiăng	Bìa amiang chịu nhiệt; kích thước 1,27x1,27 dày 3mm; nhiệt độ làm việc max 450 độ C; áp suất làm việc 4-5MPa	tấm	50		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
17	Bìa amiăng	Bìa amiang chịu nhiệt; kích thước 1,27x1,27 dày 2mm; nhiệt độ làm việc max 450 độ C; áp suất làm việc 4-5MPa	Tấm	10		*Không yêu cầu*					
18	Bìa amiang chì	500x1200x1.5ly	tấm	2		*Không yêu cầu*					
19	Bình ắc quy	12V-120A; nhà SX Đồng Nai	Bình	4		*Không yêu cầu*					
20	Bình ắc quy	12V, 200Ah nhà SX Đồng Nai	Bình	4		*Không yêu cầu*					
21	Bình Ắc quy khô	12V 20Ah nhà SX Đồng Nai	Bình	6		*Không yêu cầu*					
22	Bình đánh rỉ RP7 - loại 300g	RP7	hộp	300		*Không yêu cầu*					
23	Bình nóng lạnh 30 lít	Ariston 30 lít 2500W AN2 30 RS 2.5 FE	Cái	7		≥ 12 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
24	Bộ 3 dung dịch kiểm tra vết nứt mối hàn	Chai xanh: Hóa chất tẩy rửa bề mặt mối hàn Megacheck Cleaner: 450ml/chai, Chai đỏ: Hóa chất thẩm thấu vết nứt mối hàn Megacheck Penetrant: 450ml/chai Chai trắng: Hóa chất hiện hình vết nứt mối hàn Megacheck Developer. 450ml/chai,	Bộ	2		*Không yêu cầu*					
25	Bộ Clê chòng 8-32mm	Quy cách 14 chi tiết 8-32 mm; model: Stanley 87-038; hãng sản xuất STANLEY	Bộ	11		*Không yêu cầu*					
26	Bộ Clê khẩu + tay vặn 17-50mm	Bộ tuýp 3/4″; 23 chi tiết 17-50 mm; mã hàng: LO-FHT3/4*6PT; hãng sản xuất BARKER U.S.A	Bộ	8		*Không yêu cầu*					
27	Bộ gioăng phớt ORING	Yato YT-06879	hộp	2		*Không yêu cầu*					
28	Bộ hoa thị 3-10mm	Quy cách: 9 chi tiết 1,5-10mm; Model: T04301 hãng sản xuất KOURITSU	Bộ	6		*Không yêu cầu*					
29	Bộ khẩu tuýp hoa thị tay tuýp+khẩu 10-32 (Đài Loan)	Quy cách: 24 chi tiết 8-32mm; Model: STMT74183-8; hãng sản xuất STANLEY	Bộ	3		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
30	Bộ khẩu tuýp lục giác tay tuýp+khẩu 10-32 (Đài Loan)	Bộ tuýp tay vặn 1/2" 10-32mm 25 chi tiết; Model: Yato YT-12671	Bộ	5		*Không yêu cầu*					
31	Bộ loe ống đồng	Quy cách: 5 chi tiết Model: WP303001 Nhà sản xuất: Workpro	*Bộ*	2		*Không yêu cầu*					
32	Bộ lục giác 3-10mm	Quy cách: 9 chi tiết 1,5-10mm; model: T0430 hãng sản xuất KOURITSU	Bộ	6		*Không yêu cầu*					
33	Bộ Tô vít	Model: STL-STHT0-60210; hãng sản xuất STANLEY	Bộ	3		*Không yêu cầu*					
34	Bộ tô vít đóng gồm 2 chi tiết (2 và 4 cạnh)	Model: YT-25998; nhãn hiệu YATO	Cái	20		≥ 06 tháng					
35	Bơm mỡ bằng tay	dung tích: 600cc; model: YT-07042 hãng sản xuất YATO	Cái	9		≥ 06 tháng					
36	Bóng đèn	Halogen H3; 24V-75W/100W	Cái	20		≥ 06 tháng					
37	Bóng đèn led	công suất 25W Nguồn cấp 220VAC; Vật liệu nhựa; Nhiệt độ màu 6500K; Đui xoáy E27; Nhà sản xuất Rạng đông	Cái	60		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
38	Bóng đèn led	công suất 80W; Nguồn cấp 90-265VAC; Vật liệu nhựa PC; Nhiệt độ màu 6500K; Đui xoáy E27; Nhà sản xuất Rạng đông	Cái	80		≥ 06 tháng					
39	Bóng đèn led	Mã hiệu: TR140N1; công suất 50W; Nguồn cấp 90-265VAC; Vật liệu nhựa PC; Nhiệt độ màu 6500K; Đui xoáy E27; Nhà sản xuất Rạng đông	Cái	60		≥ 06 tháng					
40	Bóng đèn led	công suất 12W; Nguồn cấp 90-265VAC; Vật liệu nhựa PC; Nhiệt độ màu 6500K; Đui xoáy E27; Nhà sản xuất Rạng đông	Cái	10		≥ 06 tháng					
41	Bóng đèn sợi đốt 100W	Nhà sản xuất Rạng đông	Cái	5		≥ 06 tháng					
42	Bóng đèn sợi đốt 200W	Nhà sản xuất Rạng đông	Cái	2		≥ 06 tháng					
43	Bóng tuýp Led 1.2m	Nhà sản xuất Rạng đông	Cái	100		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
44	Bu lông	Kích thước: M6x40mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	38		Không yêu cầu					
45	Bu lông	Kích thước: M8x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		*Không yêu cầu*					
46	Bu lông	Kích thước: M10x35mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	250		*Không yêu cầu*					
47	Bu lông	Kích thước:M10x40 mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		*Không yêu cầu*					
48	Bu lông	Kích thước: M10x45mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	20		*Không yêu cầu*					
49	Bu lông	Kích thước: M10x25mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	60		*Không yêu cầu*					
50	Bu lông	Kích thước: M10x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm:	bộ	60		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)				*cầu*					
51	Bu lông	Kích thước: M10x70mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		*Không yêu cầu*					
52	Bu lông	Kích thước: M10x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		*Không yêu cầu*					
53	Bu lông	Kích thước: M12x100mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		*Không yêu cầu*					
54	Bu lông	Kích thước: M12x35mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	160		*Không yêu cầu*					
55	Bu lông	Kích thước: M12x40mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		*Không yêu cầu*					
56	Bu lông	M12x45mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	bộ	600		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
57	Bu lông	Kích thước: M12x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		*Không yêu cầu*					
58	Bu lông	Kích thước: M12x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		*Không yêu cầu*					
59	Bu lông	Kích thước: M12x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	150		*Không yêu cầu*					
60	Bu lông	Kích thước: M12x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	120		*Không yêu cầu*					
61	Bu lông	Kích thước: M14x40mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	35		*Không yêu cầu*					
62	Bu lông	Kích thước:M14x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
63	Bu lông	Kích thước: M14x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		*Không yêu cầu*					
64	Bu lông	Kích thước:M14x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	56		*Không yêu cầu*					
65	Bu lông	Kích thước: M14x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	16		*Không yêu cầu*					
66	Bu lông	Kích thước: M16x150mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	48		*Không yêu cầu*					
67	Bu lông	Kích thước: M16x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		*Không yêu cầu*					
68	Bu lông	Kích thước: M16x55mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	Bộ	104		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
69	Bu lông	Kích thước: M16x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	Bộ	192		*Không yêu cầu*					
70	Bu lông	Kích thước: M16x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	52		*Không yêu cầu*					
71	Bu lông	Kích thước: M16x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	150		*Không yêu cầu*					
72	Bu lông	Kích thước: M18x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	14		*Không yêu cầu*					
73	Bu lông	Kích thước: M20x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	12		*Không yêu cầu*					
74	Bu lông	Kích thước: M20x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	Bộ	32		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
75	Bu lông	Kích thước: M20x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	18		*Không yêu cầu*					
76	Bu lông	Kích thước: M22x95mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	96		*Không yêu cầu*					
77	Bu lông	Kích thước: M24x230mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	40		*Không yêu cầu*					
78	Bu lông	Kích thước: M24x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	30		*Không yêu cầu*					
79	Bu lông	M24x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	Cái	94		*Không yêu cầu*					
80	Bu lông	Kích thước: M24x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	15		*Không yêu cầu*					
81	Bu lông	Kích thước: M30x100mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01	bộ	22		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		đệm vênh + 01 ê cu)									
82	Bu lông	Kích thước: M30x120mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	48		*Không yêu cầu*					
83	Bu lông SUS 304	Kích thước: M8x35mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	172		*Không yêu cầu*					
84	Bu lông SUS 304	Kích thước: M10x60mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	16		*Không yêu cầu*					
85	Bu lông SUS 304	Kích thước: M12x30mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		*Không yêu cầu*					
86	Bu lông SUS 304	Kích thước: M12x45mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	318		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
87	Bu lông SUS 304	Kích thước: M12x70mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	66		*Không yêu cầu*					
88	Bu lông	SUS M12x120 (ren dài 40mm) ASTM A193 B8M (bao gồm: Bu lông + 02 đệm phẳng + 01 đai ốc)	Bộ	300		*Không yêu cầu*					
89	Bu lông SUS 304	Kích thước: M16x70mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	8		*Không yêu cầu*					
90	Búa tay 3kg	Đầu búa: thép cao cấp. Thân búa: gỗ; Trọng lượng 3kg	Cái	20		*Không yêu cầu*					
91	Búa tay 5kg	Đầu búa: thép cao cấp. Thân búa: gỗ; Trọng lượng 5kg	Cái	10		*Không yêu cầu*					
92	Búa tay đóng đinh	Stanley STHT51339-8	Cái	18		*Không yêu cầu*					
93	Búi sắt	vật liệu: thép không gỉ	Cái	10		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
94	Bút xoá	Dung tích: 12ml; nhãn hiệu: Thiên Long	Cái	70		*Không yêu cầu*					
95	Cân lò xo Nhơn Hòa 15Kg	loại cân đồng hồ lò xo, Phạm vi đo max 15kg; nhãn hiệu: Nhơn Hòa	Cái	1		*Không yêu cầu*					
96	Can nhựa 10L (Sông Long)	Dung tích 10L; nhãn hiệu: Song Long	Cái	20		*Không yêu cầu*					
97	Can nhựa 20L (Sông Long)	Dung tích 20L; nhãn hiệu: Song Long	Cái	30		*Không yêu cầu*					
98	Cáp cẩu thép D10mm dài 1m	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 10mm, dài 1 m	Sợi	4		*Không yêu cầu*					
99	Cáp cẩu thép D10mm dài 2m	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 10mm, dài 2 m	Sợi	4		*Không yêu cầu*					
100	Cáp cẩu thép D16mm dài 1.5m	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 16mm, dài 1.5 m	Sợi	4		*Không yêu cầu*					
101	Cáp cẩu thép D16mm dài 2.5m	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 16mm, dài 2.5 m	Sợi	4		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
102	Cáp cẩu thép D20mm dài 3m	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 20mm, dài 3 m	Sợi	4		*Không yêu cầu*					
103	Cáp cẩu thép D20mm dài 5m	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 20mm, dài 5 m	Sợi	4		*Không yêu cầu*					
104	Cáp hàn	1Cx35mm2	Mét	40		*Không yêu cầu*					
105	Cáp lụa 2mm SUS304	Cáp lụa 2mm SUS304	m	9		*Không yêu cầu*					
106	Cáp lụa bọc nhựa	Quy cách: Ø2mm; vật liệu SUS304.	m	40		*Không yêu cầu*					
107	Cáp lụa D14 mm	D14 mm	m	32		*Không yêu cầu*					
108	Cáp vải 1 tấn dài 3m	Vật liệu: Sợi Polyete cường lực, tải trọng 1 tấn, dài 3m, NHÀ SẢN XUẤT Đức	Sợi	6		≥ 06 tháng					
109	Cáp vải 2 tấn dài 3m	Vật liệu: Sợi Polyete cường lực, tải trọng 2 tấn, dài 3m, NHÀ SẢN XUẤT Đức	Sợi	6		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
110	Cáp vải 5 tấn dài 5m	Vật liệu: Sợi Polyete cường lực, tải trọng 3 tấn, dài 3m, NHÀ SẢN XUẤT Đức	Sợi	6		≥ 06 tháng					
111	Chao đèn	Chóa Đèn Tổ Ong Ø400 HH CTO400 thân đèn bằng hợp kim nhôm được thiết kế với đui đèn E27	Cái	50		*Không yêu cầu*					
112	Chổi công nghiệp quét sàn		Cái	40		*Không yêu cầu*					
113	Chổi đánh rỉ cầm tay (bàn chải sắt đánh rỉ)	Chất liệu: Sợi đồng mềm	Cái	60		*Không yêu cầu*					
114	Chổi lăn sơn	100 mm	Cái	30		*Không yêu cầu*					
115	Chổi lăn sơn 150	nhãn hiệu Việt Mỹ	Cái	30		*Không yêu cầu*					
116	Chổi nhựa		Cái	112		*Không yêu cầu*					
117	Chổi quét sơn số 1	Kích thước: 1" (độ rộng 2,5cm); cán nhựa, đầu siết thiếc mạ,	Cái	20		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		nhãn hiệu Việt Mỹ									
118	Chổi quét sơn số 3	Kích thước: 3" (độ rộng 7,5cm); cán nhựa, đầu siết thiếc mạ, nhãn hiệu Việt Mỹ	Cái	67		*Không yêu cầu*					
119	Chổi thông D10	Tổng chiều dài 150mm; Chiều dài phần cước 100mm; Ren tiêu chuẩn M6; Đường kính : 10mm	Cái	10		*Không yêu cầu*					
120	Chổi tre		Cái	47		*Không yêu cầu*					
121	Clê 1 đầu tròng 10mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 10mm; Chiều dài: 145 mm Nhà sản xuất : Stanley	Cái	14		*Không yêu cầu*					
122	Clê 1 đầu tròng 11mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 11mm; Chiều dài: 155 mm ; Nhà sản xuất : Stanley	Cái	9		*Không yêu cầu*					
123	Clê 1 đầu tròng 12mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 12mm; Chiều dài: 165 mm; Nhà sản xuất : Stanley	Cái	14		*Không yêu cầu*					
124	Clê 1 đầu tròng 13mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 13mm;	Cái	14		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Chiều dài: 175 mm Nhà sản xuất: Stanley				*cầu*					
125	Clê 1 đầu tròng 14mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 14mm; Chiều dài: 185 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		*Không yêu cầu*					
126	Clê 1 đầu tròng 15mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 15mm; Chiều dài: 195 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		*Không yêu cầu*					
127	Clê 1 đầu tròng 16mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 16mm; Chiều dài: 205 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		*Không yêu cầu*					
128	Clê 1 đầu tròng 17mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 17mm; Chiều dài: 215 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	19		*Không yêu cầu*					
129	Clê 1 đầu tròng 18mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 18mm; Chiều dài: 220 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		*Không yêu cầu*					
130	Clê 1 đầu tròng 19mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 19mm; Chiều dài: 235 mm	Cái	19		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Nhà sản xuất: Stanley									
131	Clê 1 đầu tròng 21mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 21mm; Chiều dài: 255 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	12		*Không yêu cầu*					
132	Clê 1 đầu tròng 22mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 22mm; Chiều dài: 255 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	12		*Không yêu cầu*					
133	Clê 1 đầu tròng 24mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 24mm; Chiều dài: 285 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	19		*Không yêu cầu*					
134	Clê 1 đầu tròng 27mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 27mm; Chiều dài: 315 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	12		*Không yêu cầu*					
135	Clê 1 đầu tròng 30mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 30mm; Chiều dài: 345 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	12		*Không yêu cầu*					
136	Clê 1 đầu tròng 32mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 32mm; Chiều dài: 365 mm	Cái	12		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Nhà sản xuất: Kingtony									
137	Clê 1 đầu tròng 34mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 34mm; Chiều dài: 410 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	6		*Không yêu cầu*					
138	Clê 1 đầu tròng 36mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 36mm; Chiều dài: 425 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	8		*Không yêu cầu*					
139	Clê 1 đầu tròng 38mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 38mm; Chiều dài: 455 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	4		*Không yêu cầu*					
140	Clê 1 đầu tròng 41mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 41mm; Chiều dài: 495 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	4		*Không yêu cầu*					
141	Clê 1 đầu tròng 46mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 46mm; Chiều dài: 495 mm Nhà sản xuất : Kingtony	Cái	6		*Không yêu cầu*					
142	Clê 1 đầu tròng 50mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 50mm; Chiều dài: 563 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	1		*Không yêu cầu*					
143	Clê 1 đầu tròng	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở	Cái	1		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
	55mm	đường kính vòng miệng 55mm; Chiều dài: 563 mm Nhà sản xuất: Kingtony				*yêu cầu*					
144	Clê 1 đầu tròng 60mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 60mm; Chiều dài: 657 mm Nhà sản xuất: YETI	Cái	1		*Không yêu cầu*					
145	Clê 1 đầu tròng 6mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 6mm; Chiều dài: 105 mm Nhà sản xuất: YETI	Cái	10		*Không yêu cầu*					
146	Clê 1 đầu tròng 8mm	loại 1 đầu tròng 1 đầu mở đường kính vòng miệng 8mm; Chiều dài: 110 mm Nhà sản xuất: YETI	Cái	12		*Không yêu cầu*					
147	clê xích	Kapusi Nhật Bản, 8inch/200mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
148	Cồn y tế	nồng độ 90-95%	Lít	20		*Không yêu cầu*					
149	Cưa gỗ cầm tay	model YT- 87725; nhãn hiệu : Yato	Cái	1		*Không yêu cầu*					
150	Cưa sắt cầm tay	Stanley 15- 565; nhãn hiệu: Stanley	Cái	6		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						cầu					
151	Cuốc bàn bao gồm cán gỗ		Cái	26		*Không yêu cầu*					
152	Cuốc chim bao gồm cán gỗ		Cái	9		*Không yêu cầu*					
153	Cuộn băng rào cảnh báo	TBCB-18862	Cuộn	70		*Không yêu cầu*					
154	Đá cắt	kích thước: 355x3x25,4mm) của nhà sản xuất Công ty CP đá mài Hải Dương	Viên	35		*Không yêu cầu*					
155	Đá cắt	kích thước: 107x1,2x16mm) của nhà sản xuất Công ty CP đá mài Hải Dương	Viên	120		*Không yêu cầu*					
156	Đá cắt	kích thước: 125 x 2 x 22mm) của nhà sản xuất Công ty CP đá mài Hải Dương	Viên	50		*Không yêu cầu*					
157	Đá cắt	kích thước: 180 x 2 x 22mm) của nhà sản xuất Công ty CP đá mài Hải Dương	Viên	25		*Không yêu cầu*					
158	Đá cắt gạch D100	Đường kính ngoài Ø105mm; Đường kính trong Ø20/16mm; nhà Sản xuất: Bosch	Viên	8		*Không yêu cầu*					
159	Đá mài	(kích thước: 100x6x16mm) của	viên	131		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		nhà sản xuất Công ty CP đá mài Hải Dương				*yêu cầu*					
160	Đá mài	(kích thước: 180x2x22mm) của nhà sản xuất Công ty CP đá mài Hải Dương	Viên	10		*Không yêu cầu*					
161	Đai siết ống	chất liệu Inox; D27-D34	Cái	20		*Không yêu cầu*					
162	Đai siết ống	chất liệu Inox; D50- D65	Cái	20		*Không yêu cầu*					
163	Đai xiết ống Inox	chất liệu Inox; 9mm-16mm	Cái	20		*Không yêu cầu*					
164	Đai xiết ống Inox	chất liệu Inox; 16mm-25mm	Cái	20		*Không yêu cầu*					
165	Dao dọc giấy	Model: Tolsen 30001; nhãn hiệu: Tolsen	Cái	75		*Không yêu cầu*					
166	Dao phay ngón trụ D10mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 10mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
167	Dao phay ngón trụ D12mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 12mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
168	Dao phay ngón trụ D14mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 14mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
169	Dao phay ngón trụ D16mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 16mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
170	Dao phay ngón trụ D18mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 18mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
171	Dao phay ngón trụ D20mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 20mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
172	Dao phay ngón trụ D22mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 22mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
173	Dao phay ngón trụ D24mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 24mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
174	Dao phay ngón trụ D26mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 26mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
175	Dao phay ngón trụ D28mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 28mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
176	Dao phay ngón trụ D30mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 30mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
177	Dao phay ngón trụ D32mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 32mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
178	Dao phay ngón trụ D5mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 5mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
179	Dao phay ngón trụ D6mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 6mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
180	Dao phay ngón trụ D8mm	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 8mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
181	Dao taro ren M10x1.5	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 10mm bước ren 1,5mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
182	Dao taro ren M12x1.25	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 12mm bước ren 1,25mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
183	Dao taro ren	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ	Cái	5		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
	M12x1.75	cứng >25HRC đường kính 12mm bước ren 1,75mm				*yêu cầu*					
184	Dao taro ren M14x1.25	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 14mm bước ren 1,25mm	Cái	3		*Không yêu cầu*					
185	Dao taro ren M14x2	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 14mm bước ren 1,75mm	Cái	3		*Không yêu cầu*					
186	Dao taro ren M16x2	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 16mm bước ren 2mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
187	Dao taro ren M18x2.5	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 18mm bước ren 2,5mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
188	Dao taro ren M20x2.5	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 20mm bước ren 2,5mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
189	Dao taro ren M22x2.5	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 22mm bước ren 2,5mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
190	Dao taro ren M24x1.5	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 24mm bước ren 1,5mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					
191	Dao taro ren M24x3	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 24mm bước ren 3mm	Cái	2		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
192	Dao taro ren M4x0.7	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 4mm bước ren 0,7mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
193	Dao taro ren M5x0.8	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 5mm bước ren 0,8mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
194	Dao taro ren M6x1	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 6mm bước ren 1mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
195	Dao taro ren M8x1.25	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 8mm bước ren 1,25mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
196	Dao tiện cắt đứt	20x32x170	Cái	5		*Không yêu cầu*					
197	Dao tiện khóa mặt đầu		Cái	10		*Không yêu cầu*					
198	Dao tiện lỗ 16x16x170		Cái	10		*Không yêu cầu*					
199	Dao tiện lỗ 25x25x250		Cái	10		*Không yêu cầu*					
200	Dao tiện ngoài đầu		Cái	5		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
	cong					*yêu cầu*					
201	Dao tiện phá thẳng thép gió 20x32x170		Cái	10		*Không yêu cầu*					
202	Dao tiện ren ngoài 20x32x170		Cái	10		*Không yêu cầu*					
203	Dao tiện ren trong 16x16x140		Cái	10		*Không yêu cầu*					
204	Dao tiện ren trong 20x20x160		Cái	10		*Không yêu cầu*					
205	Đất sét bịt lỗ tủ điện (Nitto Neoseal B3)	Mã sản phẩm : NITTO NEOSEAL B3 Hãng sản xuất : NITTO CHEMICAL – NHẬT BẢN	1Kg/gói	20		*Không yêu cầu*					
206	Đầu bọp ắc quy	Chất liệu: Bọc bằng đồng, bu lông ốc vít bằng kim loại; đường kính 16mm	Cái	8		*Không yêu cầu*					
207	Đầu cáp nối dây hàn	D50÷70mm2	Cái	32		*Không yêu cầu*					
208	Đầu cốt	SC-95mm2	Cái	30		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						yêu cầu					
209	Đầu cốt chữ Y 2.5-4mm2		Cái	150		*Không yêu cầu*					
210	Đầu cốt kim	1.5mm	Cái	1000		*Không yêu cầu*					
211	Đầu cốt SC10-6		Cái	40		*Không yêu cầu*					
212	Đầu cốt SC16-8		Cái	40		*Không yêu cầu*					
213	Đầu cốt SC25-8		Cái	40		*Không yêu cầu*					
214	Đầu cốt SC35-8		Cái	40		*Không yêu cầu*					
215	Đầu cốt SC50-10		Cái	40		*Không yêu cầu*					
216	Đầu cốt SC70-10		Cái	40		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
217	Đầu cốt SC95-10		Cái	40		*Không yêu cầu*					
218	Đầu nối bơm, tra mỡ		Cái	10		*Không yêu cầu*					
219	Đầu nối nhanh inox	Đầu nối nhanh thẳng inox Fittings: kích thước ống D8, ren ngoài 1/4"	Cái	20		*Không yêu cầu*					
220	Đầu nối nhanh inox	Đầu nối nhanh L inox: Kích thước ống D8, ren ngoài 1/4	Cái	20		*Không yêu cầu*					
221	Đầu nối nhanh inox	Đầu nối nhanh thẳng inox Fitting: Kích thước ống D8, ren ngoài 3/8"	Cái	20		*Không yêu cầu*					
222	Đầu nối nhanh inox	Đầu nối nhanh L inox: kích thước ống D8, ren ngoài 3/8"	Cái	20		*Không yêu cầu*					
223	Đầu phun tháp giải nhiệt	Đầu phun tháp giải nhiệt LSH-150: đường kính lắp ống chia nước tản nhiệt D105mm, đường kính ống nước làm mát đầu vào D 180mm Dùng cho tháp làm mát máy nén khí phục vụ Fusheng	cái	2		*Không yêu cầu*					
224	Dầu rửa bát	Nhãn hiệu Mỹ Hảo	Lít	5		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						yêu cầu					
225	Dây đai Inox cột điện		Cái	140		*Không yêu cầu*					
226	Dây đèn LED 24V	Model: LS161 COB 13w; 5m/cuộn, Ánh sáng: vàng và trung tính; nhãn hiệu : Philips	Bộ	6		*Không yêu cầu*					
227	Dây điện 3 lõi Cadisun VCTF-3x1.5mm2–300V, 500V (Xám)	Loại dây ba sợi, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC/PVC tiết diện 1,5mm2; nhãn hiệu Cadissun	M	200		*Không yêu cầu*					
228	Dây điện Cu/PVC/PVC 2x1.5mm2	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC /PVC tiết diện 1,5mm2; nhãn hiệu Trần Phú	m	800		*Không yêu cầu*					
229	Dây điện Cu/PVC/PVC 2x2.5mm2	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC /PVC tiết diện 2,5mm2; nhãn hiệu Trần Phú	m	1200		*Không yêu cầu*					
230	Dây điện Cu/PVC/PVC 2x4mm2	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC/PVC tiết diện 4mm2; nhãn hiệu Trần Phú	m	800		*Không yêu cầu*					
231	Dây điện	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng	m	900		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
	Cu/PVC/PVC 2x6mm2	bọc nhựa Cu/PVC/PVC tiết diện 6mm2; nhãn hiệu Trần Phú				*yêu cầu*					
232	Dây gas, oxy	Dây đôi màu xanh đỏ ; kích thước 6,5-8mm; áp suất làm việc 20-60kg/cm2; chất liệu cao su ; nhãn hiệu Masuka	Mét	200		*Không yêu cầu*					
233	Dây hàn 1Cx35	Loại dây một lõi bằng đồng nhiều sợi, lõi đồng bọc cao su tiết diện 35mm2;	Mét	100		*Không yêu cầu*					
234	Dây hơi cao su	D10mm	Mét	200		*Không yêu cầu*					
235	Dây nhôm lõi thép AC 35	Vật liệu: Nhôm lõi thép Tiết diện: 35mm2	m	1800		*Không yêu cầu*					
236	Dây thép buộc	Vật liệu: Thép mã kẽm; đường kính 3mm	kg	40		*Không yêu cầu*					
237	Dây thép buộc	Vật liệu: Thép mã kẽm; đường kính 1mm	kg	20		*Không yêu cầu*					
238	Dây thép buộc	Vật liệu: Thép mã kẽm; đường kính 2mm	kg	20		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
239	Dây thít cáp 15cm	150mm	Cái	500		*Không yêu cầu*					
240	Dây thít cáp 2.5x100mm		Túi	2		*Không yêu cầu*					
241	Dây thít cáp 3x200mm		Túi	3		*Không yêu cầu*					
242	Dây thít cáp 5x200mm		Túi	5		*Không yêu cầu*					
243	Dây thít cáp 5x300mm		Túi	2		*Không yêu cầu*					
244	Dây thừng D21	chất liệu sợi PP; đường kính 21mm	M	250		*Không yêu cầu*					
245	Dây thừng D10	chất liệu sợi PP; đường kính 10mm	M	400		*Không yêu cầu*					
246	Dây thừng D6mm	Kích thước: 6mm dạng sợi đay dùng buộc giàn giáo	M	500		*Không yêu cầu*					
247	Đế từ mã	7010S-10- Mitutoyo	Cái	4		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						yêu cầu					
248	Đèn cao áp led pha vuông	Nguồn 220V; công suất 200W; IP 65~66; vật liệu: Nhôm hợp kim + Kính cường lực 5 phân	Bộ	10		≥ 06 tháng					
249	Đèn cao áp led pha vuông 100W	Nguồn 220V; công suất 100W; IP 65~66; vật liệu: Nhôm hợp kim + Kính cường lực 5 phân	Bộ	10		≥ 06 tháng					
250	Đèn cao áp led pha vuông 200W	Nguồn 220V; công suất 200W; IP 65~66; vật liệu: Nhôm hợp kim + Kính cường lực 5 phân	Bộ	10		≥ 06 tháng					
251	Đèn chiếu sáng	Mã hiệu: DAXIN50-1224; Công suất 50W; NGUỒN 24DC; kích thước 280x230x60mm; hãng sản xuất Daxinco	Bộ	10		≥ 06 tháng					
252	Đèn LED Panel P08 600x1200, 80W 6500K	Mã hiệu: P06 600x600; Công suất 50W; Nhiệt độ màu 6000K; Nguồn 220VAC; Quang thông 5500Lm; kích thước (600x600x35); Nhà sản xuất Rạng đông	Bộ	10		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
253	Đèn LED Panel P08 600x600, 40W 6500K	Mã hiệu: P08 600x1200; Công suất 80W; Nhiệt độ màu 6500K; Nguồn 220VAC; Quang thông 8000Lm; kích thước (1200x600x10); Nhà sản xuất Rạng đông	Bộ	10		≥ 06 tháng					
254	Đèn pha tròn	24V-75W/100W	bộ	12		*Không yêu cầu*					
255	Đèn pin Led	- Model: PFL09 R (bao gồm pin sạc)	Cái	122		*Không yêu cầu*					
256	Đinh Hạt Nổ (loại Đinh Dù Thẳng 25mm có long đen)	Chiều dài thực: 25mm Đường kính ren M8 Đường kính long đền: 16mm Chiều dài toàn bộ đinh: 52mm Đường kính đầu hạt nổ: 7.3mm	Cái	200		*Không yêu cầu*					
257	Đinh Hạt Nổ (loại Đinh Móc Ø20)	Chiều dài thực: 25mm Đường kính ren M8 Đường kính long đền: 16mm Chiều dài toàn bộ đinh: 52mm Đường kính đầu hạt nổ: 7.3mm	Cái	200		*Không yêu cầu*					
258	Đinh Hạt Nổ (loại Đinh Ren M8 + Ốc Vặn)	Chiều dài thực: 25mm Đường kính ren M8 Đường kính long đền: 16mm	Cái	200		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Chiều dài toàn bộ đinh: 52mm Đường kính đầu hạt nổ: 7.3mm									
259	Đinh M5x35		Con	400		*Không yêu cầu*					
260	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-30Kpa; vỏ thép mạ Niken; Ống truyền dẫn đồng mạ niken hoặc SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 06 tháng					
261	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-250Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 06 tháng					
262	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm dải đo 0-2,5Bar; vỏ SUS 304 Ống truyền dẫn SUS 316 chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT, PF	Cái	5		≥ 06 tháng					
263	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-15Kpa; vỏ thép mạ Niken; Ống truyền dẫn đồng mạ niken hoặc SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 06 tháng					
264	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-16Mpa; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS 316; chuẩn kết	Cái	5		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		nối 1/2" NPT, PT,PF;									
265	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 63mm; dải đo 0-10Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS 316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 06 tháng					
266	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-10Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS 316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF; sai số 1% toàn thang đo;	Cái	5		≥ 06 tháng					
267	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-50kgf/cm2; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn bằng đồng mạ niken; chuẩn kết nối 3/8" NPT, PT,PF; nhà sản xuất : Wise	Cái	5		≥ 06 tháng					
268	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-25Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF; nhà sản xuất : Wise	Cái	5		≥ 06 tháng					
269	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-6Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 06 tháng					
270	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-1Bar; vỏ SUS 304; Ống	Cái	5		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;									
271	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-15Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 06 tháng					
272	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-4Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 06 tháng					
273	Đồng hồ bơm lốp M408	model: YT-2370	Cái	1		*Không yêu cầu*					
274	Đồng hồ gas Tanaka	áp xuất khí vào lớn nhất: 40Bar; Áp suất khí ra : 2 Bar; Áp suất làm việc tối đa (kg/cm3): 0.98; Lưu lượng: Áp xuất: 5Nm3/h(0.05Mpa); Kiểu kết nối vào: BS 341 No.3; Kiểu ren ra: 3/8 BSP RH; Loại: 2 Gauge;	Bộ	10		≥ 06 tháng					
275	Đồng hồ oxy Tanaka	áp xuất khí vào lớn nhất: 300Bar; Áp suất khí ra :25Bar; Áp suất làm việc tối đa 10bar; Kiểu kết nối vào: BS 341 No.3; Kiểu ren ra: 3/8 BSP RH; Loại:	Bộ	10		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		2 Gauge;									
276	Đồng hồ so cấp chính xác 0.01 mm mã 2046 dải đo 10mm	Mã hiệu 2046A dải đo 0-10mm, độ chia 0,01mm, độ chính xác ±13µm; Kiểu đồng hồ: Lưng có tai bắt với đế gá (Lug Back); Kyoritsu	Cái	4		≥ 06 tháng					
277	Đồng hồ vạn năng 1009	1009 kyoristu	Cái	4		≥ 06 tháng					
278	Dũa dẹt 150mm	loại có tay cầm dài 200mm bản rộng 21mm ; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		*Không yêu cầu*					
279	Dũa dẹt 300mm	loại có tay cầm dài 250mm bản rộng 24mm ; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		*Không yêu cầu*					
280	Dũa tam giác 150mm	loại có tay cầm kích thước : 35 mm x 260 mm x 35 mm; góc 60 độ C; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		*Không yêu cầu*					
281	Dũa tam giác 300mm	loại có tay cầm kích thước : 35 mm x 415 mm x 35 mm; góc 60 độ C; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		*Không yêu cầu*					
282	Đui đèn E27	Đui Chui Đèn E27 - Dùng để lắp các loại bòng đèn có dạng đuôi xoắn E27 - Có viền để gắn chóa *- Dùng cho chóa phản quang, chóa nhôm....*	Cái	50		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
283	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 2 chấu)	SKF TMMP 120F	Cái	1		≥ 06 tháng					
284	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 2 chấu)	SKF TMMP 200F	Cái	1		≥ 06 tháng					
285	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 2 chấu)	SKF TMMP2x170mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
286	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 chấu)	SKF TMMP3x100mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
287	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 chấu)	SKF TMMP3x200mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
288	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 chấu)	SKF TMMP3x300mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
289	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 chấu)	SKF TMMP3x300mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
290	Sơn cách điện		Lít	20		≥ 06 tháng					
291	Ê cu	M16	Cái	20		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						cầu					
292	Ê cu	M10	cái	1 320		*Không yêu cầu*					
293	Ê tô nguội BW-10	Model: BVV-10 (độ mở): 250 mm Lực kẹp tối đa: 3000 kgf nhãn hiệu Vertex	Cái	1		≥ 06 tháng					
294	Găng tay cao su		Đôi	4		*Không yêu cầu*					
295	Ghíp chía đôi bọc nhựa 2 bulong 25-15 0mm2		Cái	30		*Không yêu cầu*					
296	Giấy giáp mịn P1000		Tờ	406		*Không yêu cầu*					
297	Giấy giáp mịn P320		Tờ	422		*Không yêu cầu*					
298	Giấy ráp cuộn 1000	P1000	M	3		*Không yêu cầu*					
299	Guốc trèo cột ly tâm		Đôi	4		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
300	Hót rác nhựa		Cái	6		*Không yêu cầu*					
301	Kéo cắt cỏ		Cái	13		*Không yêu cầu*					
302	Kéo cắt gioăng	Model: 118.0010; Nhãn hiệu: KS Tools	Cái	18		*Không yêu cầu*					
303	Kéo cắt tôn loại to	Stanley 14-166 Nhãn hiệu: Stanley	Cái	4		*Không yêu cầu*					
304	Keo dán băng tải	SC-4000 nhãn hiệu rema tiptop	hộp	9		*Không yêu cầu*					
305	Keo dán mặt bích	Chịu được nhiệt độ từ -40°C đến 250°C; Trọng lượng: 85g; nhãn hiệu: Threebond	Tuýp	100		*Không yêu cầu*					
306	Keo dán mặt bích 2 thành phần	nhãn hiệu AB trọng lượng 80g	Tuýp	10		*Không yêu cầu*					
307	Keo dán mặt bích 2 thành phần	durasteel 5 epoxy Trọng lượng: 35g; nhãn hiệu: pioneer	Tuýp	20		*Không yêu cầu*					
308	Keo Silicon	Apollo Sealant A200; màu	hộp	172		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Trắng trong; Dạng chai nhựa; Dung tích qui ước 300ml.				*yêu cầu*					
309	Kẹp ngừng cáp 35-95 mm2		Cái	70		*Không yêu cầu*					
310	Khoá cáp ϕ4	Khoá cáp ϕ4	cái	10		*Không yêu cầu*					
311	Khớp nối mềm 100A*270mm*SUS 304	Quy cách DN100*L270mm; Khớp nối mềm vật liệu SUS304; kết nối kiểu mặt bích và bulong; áp suất làm việc 10kg/cm2; nhiệt độ làm việc lớn hơn 200 độ C. (lắp đặt cho máy nén khí mã hiệu SA5250-II của nhà sản xuất Fusheng)	Cái	3		≥ 03 tháng					
312	Kích thủy lực 10 tấn	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17004	Cái	2		≥ 06 tháng					
313	Kích thủy lực 15 tấn	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17006	Cái	2		≥ 06 tháng					
314	Kích thủy lực 20 tấn	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17007	Cái	1		≥ 06 tháng					
315	Kích thủy lực 20 tấn	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17227	Cái	1		≥ 06 tháng					
316	Kích thủy lực 50 tấn	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17009	Cái	1		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
317	Kích thủy lực rỗng tâm 50T	TONNERS DCH-50100 hoặc OSAKA LJA50S10B	Cái	1		≥ 06 tháng					
318	Kìm cá sấu 12"	Chiều dài thật của kìm: 300mm; Độ mở của kìm: 55mm; Số kìm - cỡ danh định của kìm: 12" (300mm); Chất liệu: thép hợp kim cứng; Hãng sản xuất : HEAVY DUTY	Cái	6		*Không yêu cầu*					
319	Kìm cá sấu 24"	Chiều dài thật của kìm: 576mm; Độ mở của kìm: 76mm; Số kìm - cỡ danh định của kìm: 24" (600mm); Chất liệu: thép hợp kim cứng; Hãng sản xuất : LS	Cái	4		*Không yêu cầu*					
320	Kìm cá sấu 36"	Chiều dài thật của kìm: 900mm; Độ mở của kìm: 90mm; Số kìm - cỡ danh định của kìm: 36" (900mm); Chất liệu: thép hợp kim cứng; Hãng sản xuất : HEAVY DUTY	Cái	4		*Không yêu cầu*					
321	Kìm cắt	Model: YT-2109;	Cái	3		*Không*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		hãng SX: YATO				*yêu cầu*					
322	Kìm chết	Model: YT-2450; hãng SX: YATO	Cái	11		*Không yêu cầu*					
323	Kìm điện	Model: YT-21153; hãng SX: YATO	Cái	17		*Không yêu cầu*					
324	Kìm ép cốt bằng tay	Phạm vi bấm đầu cos: (1.25-2.0) (5.5-8.0) (14-16) mm2; Mã sản phẩm: AK-9112; Thương hiệu: Asaki	Cái	5		*Không yêu cầu*					
325	Kìm ép cốt thủy lực 300mm2	Model HHY-300; nhãn hiệu: TLP	Bộ	1		*Không yêu cầu*					
326	Kìm hàn 800A	Model: TWAH8001 800A; nhãn hiệu: TOTAL	Cái	27		*Không yêu cầu*					
327	Kìm Kẹp Mát Thân Sắt K300A P34B-120719	Model: P34B-120719; Thương hiệu: KNTD	Cái	27		*Không yêu cầu*					
328	Kìm mỏ nhọn	Model: YT-66345; hãng SX: YATO	Cái	15		*Không yêu cầu*					
329	Kìm phanh ngoài 8"	Model: YT-1991; hãng SX: YATO	Cái	10		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						cầu					
330	Kìm phanh trong 8"	Model: YT-1989; hãng SX: YATO	Cái	10		*Không yêu cầu*					
331	Kìm tuốt dây điện	Model: 7"/ 175mm asaki AK0340 ; Phạm vi tuốt dây điện: 0.5 - 1.2 - 1.6 - 2.0 - 2.6 - 3.2mm2 ; Hãng ASAKI	Cái	3		*Không yêu cầu*					
332	Kính thăm dầu	Kích thước: Khoảng cách từ tâm lỗ này tới tâm lỗ kia là 140 mm; Đường kính lỗ: phi 10, gồm 2 bu lông bước ren 1.5; Vật liệu: Meka, chịu nhiệt, chịu áp; hãng SX: Fussheng	cái	3		*Không yêu cầu*					
333	La zăng máy xúc	dùng cho máy xúc kawasaki 65ZIV	Bộ	2		≥ 03 tháng					
334	La zăng máy xúc	43424-60060 dùng cho máy xúc kawasaki 80ZIV	Bộ	2		≥ 03 tháng					
335	Phích cắm điện công nghiệp 3 chấu 1 pha	Loại tròn 3 chân HG-013	Cái	4		*Không yêu cầu*					
336	Lốp + săm + yếm	20.5-25	Bộ	2		≥ 06 tháng					
337	Lốp + săm + yếm	17.5-25	Bộ	2		≥ 03					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						tháng					
338	Lốp + săm + yếm	9.00-20	Bộ	2		≥ 03 tháng					
339	Lục giác 14mm	Model: YT-57262; hãng SX: YATO	Cái	2		*Không yêu cầu*					
340	Lục giác 17mm	odel: YT-57264 ; hãng SX: YATO	Cái	2		*Không yêu cầu*					
341	Lục giác 19mm	Model: YT-5755 ; hãng SX: YATO	Cái	2		*Không yêu cầu*					
342	Lục giác 21mm	Model: 43025 ; hãng SX: WITTE	Cái	2		*Không yêu cầu*					
343	Lục giác 22mm	Model: 112522MR ; hãng SX: Kingtony	Cái	2		*Không yêu cầu*					
344	Lưỡi cắt cỏ máy Honda GX35	kích thước: 300mm x254x 2mm Sử dụng cho máy Honda GX35	Cái	12		*Không yêu cầu*					
345	Mã lý	Model: G-209; Tải trọng: 2 tấn; Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	10		*Không yêu cầu*					
346	Mã lý	Model: G-209; Tải trọng: 3,25 tấn; Loại Omega Chốt Vặn	Cái	10		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Ren; thương hiệu Kawasaki				*cầu*					
347	Mã lý	Model: G-209; Tải trọng: 6.5 tấn; Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	10		*Không yêu cầu*					
348	Mã lý	Model: G-209; Tải trọng: 9,5 tấn Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	8		*Không yêu cầu*					
349	Mã lý	Model: G-209; Tải trọng: 12 tấn Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	4		*Không yêu cầu*					
350	Máy bắn bu lông dùng pin M10÷24	Mã hiệu: DTW190RFJX; nhãn hiệu : Makita	Cái	3		≥ 06 tháng					
351	Máy bộ đàm cầm tay		Bộ	14		≥ 06 tháng					
352	Máy cắt cỏ GX35	Model: GX35; nhãn hiệu Honda	Bộ	1		≥ 06 tháng					
353	Máy hàn điện Weldcom Maxi 200	Model: Maxi 200; Thông số: 220-240V,50/60Hz, I=40A,P=6,6Kw	Bộ	2		≥ 06 tháng					
354	Máy hàn ống nhựa chịu nhiệt	Total TT328151	Bộ	1		≥ 06 tháng					
355	Máy hút bụi 1500W	DV2-60JP HEPA; Davi Clean	Máy	2		≥ 06 tháng					
356	Máy khoan bê tông 220V-Bosh	Model: GBH2-26 DFV, 220V Nhà sản xuất: BOSCH	Cái	4		≥ 06 tháng					
357	Máy khoan sắt cầm	Mã máy: DS5000;	Cái	2		≥ 06					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
	tay đến D16mm	Hãng SX : Makita				tháng					
358	Máy lọc nước RO	Hòa Phát HPR52	*Bộ*	2		≥ 06 tháng					
359	Máy mài ϕ 100	Đường kính lưỡi mài 100mm; Mã máy: 9553NB; Hãng SX : Makita	Cái	10		≥ 06 tháng					
360	Máy mài ϕ 180	Đường kính lưỡi mài 800mm; Mã máy: GA7060; Hãng SX : Makita	Cái	2		≥ 06 tháng					
361	Máy siết bu lông góc sử dụng điện đến M16	Chiều cao mũi tâm max 16mm; Mã máy: DFL204FZ; Hãng SX : Makita	Cái	2		≥ 06 tháng					
362	Máy tời điện đa năng	– Phiên bản: KCD 750/1500, 30M, 3P, 380V, 7/14MP – Hãng sản xuất: FUJIFA – Hình thức sử dụng, tải trọng và chiều cao nâng hạ: + Cáp đơn (1-30m) tải trọng 750kg + Cáp đôi (1-15m) tải trọng 1500kg (cáp đôi lực được truyền tải qua ròng rọc và nhân đôi) – Tốc độ nâng hạ: 14m/min cáp đơn, 7m/min cáp đôi – Nguồn điện: 380V	Cái	1		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		– Công suất động cơ: 1,5KW									
363	Máy vặn bu lông bằng điện 1-3/4"; 220V-620W	Tháo siết ốc tiêu chuẩn M16 - M22; 220V-620W; Mã máy: KPB22C; Hãng sản xuất: DCK	Cái	1		≥ 06 tháng					
364	Mê ga ôm 1000V	mã hiệu: 3166 ; Điện áp thử : 1000V; Giải đo: 2000MΩ; Sai số : ±5%; Hãng sản xuất KYORITSU	Cái	3		*Kh≥* 06 tháng					
365	Mê ga ôm 500V	mã hiệu: 3165 ; Điện áp thử : 500V; Giải đo : 1000MΩ; Độ chính xác : ±3%; Hãng sản xuất KYORITSU	Cái	2		≥ 06 tháng					
366	Miếng vá săm loại to		Cái	40		*Không yêu cầu*					
367	Mỏ cắt Oxy ga Tanaka	Model: HC391; Nhãn hiệu: Tanaka	Cái	6		*Không yêu cầu*					
368	Mỏ cắt Plasma	Model: SG51	Bộ	1		≥ 06 tháng					
369	Mỏ lết (độ mở 0-30mm)	KTC WMA-200	Cái	10		≥ 06 tháng					
370	Mỏ lết (độ mở 0-	KTC MWA-375	Cái	11		≥ 06					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
	44mm)					tháng					
371	Mỏ lết (độ mở 0-55mm)	KTC MWA-450	Cái	10		≥ 06 tháng					
372	Mũi đục bê tông	Chuôi lục giác (dùng cho máy khoan Makiata HR3530) gồm 2 chi tiết loại đục nhọn và đục dẹt; size: 22-35mm	Cái	12		*Không yêu cầu*					
373	Mũi khoan bê tông ф 10	Mũi SDS+plus 1. (10x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	12		*Không yêu cầu*					
374	Mũi khoan bê tông ф 12	Mũi SDS+plus 1. (12x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	12		*Không yêu cầu*					
375	Mũi khoan bê tông ф 16	Mũi SDS+plus 1. (16x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	7		*Không yêu cầu*					
376	Mũi khoan bê tông ф 18	Mũi SDS+plus 1. (18x100x/200mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	5		*Không yêu cầu*					
377	Mũi khoan bê tông ф 22	Mũi SDS Plus 1 (22x400/460mm) nhãn hiệu Bosch	Cái	5		*Không yêu cầu*					
378	Mũi khoan bê tông ф 25	Mũi SDS+ plus 1 (25x400/460mm) nhãn hiệu Bosch	Cái	5		*Không yêu cầu*					
379	Mũi khoan bê tông	Mũi SDS+plus 1.	Cái	10		Không					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
	ф 6	(6x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH				yêu cầu					
380	Mũi khoan bê tông ф 8	Mũi SDS+plus 1. (8x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	10		Không yêu cầu					
381	Mũi khoan sắt D10mm	đường kính d10; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
382	Mũi khoan sắt D12mm	đường kính d12; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
383	Mũi khoan sắt D14mm	đường kính d14; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	26		Không yêu cầu					
384	Mũi khoan sắt D16mm	đường kính d16; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
385	Mũi khoan sắt D17.5mm	đường kính d17;5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
386	Mũi khoan sắt D18mm	đường kính d18; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
387	Mũi khoan sắt D20mm	đường kính d20; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
388	Mũi khoan sắt D21mm	đường kính d21; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
389	Mũi khoan sắt D3.5mm	đường kính d3.5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu:Nachi	Cái	10		*Không yêu cầu*					
390	Mũi khoan sắt D35mm	đường kính d35; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		*Không yêu cầu*					
391	Mũi khoan sắt D4mm	đường kính d4; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		*Không yêu cầu*					
392	Mũi khoan sắt D5mm	đường kính d5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		*Không yêu cầu*					
393	Mũi khoan sắt D6mm	đường kính d6; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		*Không yêu cầu*					
394	Mũi khoan sắt D7mm	đường kính d7; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		*Không yêu cầu*					
395	Mũi khoan sắt D8.5mm	đường kính d8.5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		*Không yêu cầu*					
396	Mũi khoan sắt D8mm	đường kính d8; vật liệu HSS-G;	Cái	10		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		nhãn hiệu: Nachi				*cầu*					
397	Mũi mài hợp kim Vonfram loại hình chóp Cán 6mm	model: FERVI F008/6 ; Đường kính chuôi 6mm; vật liệu: hợp kim Vonfram; Size 6-8-10-12mm (Bộ 8 chi tiết); nhãn hiệu FERVI	Bộ	10		*Không yêu cầu*					
398	Nhựa vá săm		Hộp	4		*Không yêu cầu*					
399	Nước tẩy	Okay màu hồng 960ml thái lan	Lọ	80		*Không yêu cầu*					
400	Ổ Cắm 3 Chấu SINO - 16A Dòng S18	Mã hiệu: S18/16; Dòng 16A-250VAC; Hãng sản xuất Sino	Cái	10		*Không yêu cầu*					
401	Ổ cắm tay quay kiểu rulo 30m, 16A	30m, 16A; model: YT-8106; nhãn hiệu: Yato	Cái	5		*Không yêu cầu*					
402	Ống mềm ϕ 38/ ϕ 50 lát có cốt thép đầu M46	ϕ38/ ϕ 50 lát có cốt thép đầu M46	cái	5		*Không yêu cầu*					
403	Ống nhựa cứng màu trong suốt	PVC DN20	m	1		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
404	Ống nhựa cứng	SP9020MS Hãng sản xuất Sino	m	700		*Không yêu cầu*					
405	Ống nhựa cứng	SP9025MS Hãng sản xuất Sino	m	700		*Không yêu cầu*					
406	ỐNg nhựa mềm	DN8	m	3		*Không yêu cầu*					
407	Ống nhựa mềm	D20mm	Mét	200		*Không yêu cầu*					
408	Ốp cột móc treo cáp		Cái	70		*Không yêu cầu*					
409	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 10VP5 , tải trọng nâng: 1tấn, độ cao nâng, hạ 3-5m	Cái	2		≥ 06 tháng					
410	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 20VP5 , tải trọng nâng: 2 tấn, độ cao nâng, hạ 5m	Cái	2		≥ 06 tháng					
411	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 30VP5 , tải trọng nâng: 3 tấn,	Cái	2		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		độ cao nâng, hạ 5m									
412	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 50VP5 , tải trọng nâng: 5 tấn, độ cao nâng, hạ 5m	Cái	2		≥ 06 tháng					
413	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 90VP10 , tải trọng nâng: 10tấn, độ cao nâng, hạ 10m	Cái	1		≥ 06 tháng					
414	Phanh gài trục	D90x3	cái	20		*Không yêu cầu*					
415	Phích cắm 3 chấu loại tròn	Model : MPN - 013; Quy cách : 16A-2P+N-IP44; Hãng : MPE	Cái	15		*Không yêu cầu*					
416	Phích đun nước điện 3l	Tiger PIM-G300	Cái	8		*Không yêu cầu*					
417	Phin lọc	Lọc dầu máy nén 029-20032 dùng cho máy điều hoà YORK	Cái	2		*Không yêu cầu*					
418	Phin lọc	Mã hiệu: WD962 nhà sản xuất: Mann Filter dùng cho máy nén khí Fusheng SA5250-II	cái	3		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
419	Phin lọc	Mã hiệu: WD13145 nhà sản xuất: Mann Filter dùng cho máy nén khí Fusheng SA5250-II	cái	8		*Không yêu cầu*					
420	Phin lọc	47621424 dùng cho máy nén khí Fusheng SA5250-II	cái	2		*Không yêu cầu*					
421	Phin lọc	D185x297x215 dùng cho máy nén khí Fusheng SA5250-II	cái	10		*Không yêu cầu*					
422	Phin lọc	Mã hiệu: Ingersoll Rand 39911615; Part number: H112800 dùng cho máy nén khi ingersoll rand; Model: SM75W-8.5	bộ	2		*Không yêu cầu*					
423	Phin lọc	Part: P165136; Hãng sản xuất: DONALDSON	cái	3		*Không yêu cầu*					
424	Phin lọc	Part: P550388; Hãng sản xuất: DONALDSON	cái	1		*Không yêu cầu*					
425	Phin lọc	Mã hiệu C-1009 của nhà sản xuất: Sakura	cái	8		*Không yêu cầu*					
426	Phin lọc	Mã hiệu FC-5602 nhà sản xuất: Sakura	cái	8		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						cầu					
427	Phin lọc	Mã hiệu: 177 047 nhà sản xuất Donaldson	cái	12		*Không yêu cầu*					
428	Phin lọc	Mã hiệu: H-5609 H 1 (mm): 300.5; OD 1 (mm): 150; OD 2 (mm): 150; ID 1 (mm): 110; ID 2 (mm): 110 của nhà sản xuất: Sakura	cái	2		*Không yêu cầu*					
429	Phin lọc	Mã hiệu: C-1305 nhà sản xuất: Sakura	cái	16		*Không yêu cầu*					
430	Phin lọc	Mã hiệu FC-1503 nhà sản xuất: Sakura	cái	16		*Không yêu cầu*					
431	Phin lọc	Mã hiệu: H-5622; OD112x ID70x H291.5; nhà sản xuất Sakura	cái	2		*Không yêu cầu*					
432	Phin lọc	Mã hiệu: O-1006 nhà sản xuất: Sakura	cái	6		*Không yêu cầu*					
433	Phin lọc	Mã hiệu FC-1003 nhà sản xuất: Sakura	cái	6		*Không yêu cầu*					
434	Phin lọc	Mã hiệu HC 5801 nhà sản xuất: Sakura	cái	3		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						cầu					
435	Phin lọc	H-7911; Chiều cao (mm): 450 ; OD 1 (mm): 150; OD 2 (mm): 150; ID 1 (mm): 110; ID 2 (mm): 110 nhà sản xuất: Sakura	cái	1		*Không yêu cầu*					
436	Phin lọc gas	DML165, Phi 16	Cái	10		*Không yêu cầu*					
437	Phin lọc gió	ϕng380xϕtr200xL380 dùng cho máy nén khí Fusheng SA5250-II	cái	3		*Không yêu cầu*					
438	Phin lọc gió	Vỏ ngoài Dng220xDtr140xL450; Lõi trong Dng138xDtr100xL410;	Bộ	4		*Không yêu cầu*					
439	Phin lọc gió	Vỏ ngoài Dng200xDtr135xL490; Lõi trong Dng132xDtr102xL475;	Bộ	1		*Không yêu cầu*					
440	Phin lọc khí nén (Lọc thô)	Part name: INGERSOLL RAND Air Filter 39708466 dùng cho máy nén khi ingersoll rand; Model: SM75W-8.5	cái	4		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
441	Phin tách dầu	Phin tách 91111-002; AIR OIL SEPARATOR 91111-002 = DB2167 Kích Thước : D1 = 300 (mm) D2 = 219 (mm) D4 = 355 (mm) H1 = 700 (mm) Hãng sản xuất: Fusheng dùng cho máy nén khí Fusheng SA5250-II	cái	5		*Không yêu cầu*					
442	Bộ KIT (bảo dưỡng 6 tháng/4k giờ)	Part No: 47703794001 dùng cho máy nén khi ingersoll rand	Bộ	1		*Không yêu cầu*					
443	Pin 3V CR14250SE	Mã hiệu: CR14250SE 3V, 850MAH	quả	2		*Không yêu cầu*					
444	Pin 9V	Volts : 9V – Code: G6F22, 6F22 – Loại pin Greenergy năng lượng sạch – HSX: GoldenPower	Quả	228		*Không yêu cầu*					
445	Quạt	Axial Fan YWF4E-400S (220V/50/60HZ, 0.82/1.20A, 110/180W, 150/250W, 1380/1550r/min	cái	3		≥ 03 tháng					
446	Quạt cây công nghiệp 220V	Điện áp: 220V ĐK cánh quạt : 750mm	Cái	4		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Số cánh: 03 cánh Nhãn hiệu Điện cơ hoặc Quốc phòng hoặc vinawind									
447	Quạt làm mát 24V, 120x120mm	Mã hiệu: CUDC 24B4SQ; nguồn: DC 24V-0,23A-4,5W; kích thước 120x120x38mm	cái	4		*Không yêu cầu*					
448	Que hàn	Model: KST 309L đường kính 3,2mm; nhãn hiệu Kiswel	kg	100		*Không yêu cầu*					
449	Que hàn	Model: E7018 K-7018; đường kính 3,2mm; nhãn hiệu Kiswel	kg	20		*Không yêu cầu*					
450	Que hàn	Model: KST 310 đường kính 3,2mm; nhãn hiệu Kiswel	kg	10		*Không yêu cầu*					
451	Que hàn	Philcast Fe-Ni D3.2x350mm	kg	5		*Không yêu cầu*					
452	Que hàn	Philcast Ni D3.2x350mm	kg	5		*Không yêu cầu*					
453	Que hàn điện	KT421 3.2 ly	kg	500		*Không yêu cầu*					
454	Que hàn điện	Model: **Gemini G-308** đường kính 3,2mm;	kg	10		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		nhãn hiệu Kim Tín				*cầu*					
455	Ròng rọc 1000kg	Puly sắt đơn Tải trọng: 1 tấn	Cái	1		*Không yêu cầu*					
456	Ròng rọc 100kg	Puly sắt đơn Tải trọng: 100 kg	Cái	2		*Không yêu cầu*					
457	Ròng rọc 500kg	Puly sắt đơn Tải trọng: 500kg	Cái	1		*Không yêu cầu*					
458	Ròng rọc 50kg	Puly sắt đơn Tải trọng: 50 kg	Cái	2		*Không yêu cầu*					
459	Săm	20.5-25 dùng cho máy xúc KAWASAKI	Cái	1		*Không yêu cầu*					
460	Săm	17.5-25 dùng cho máy xúc KAWASAKI	Cái	2		*Không yêu cầu*					
461	Sơn chống rỉ Epoxi		Lít	80		*Không yêu cầu*					
462	Sơn epoxy màu đỏ		Kg	170		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
463	Sơn màu ghi Epoxi		kg	170		*Không yêu cầu*					
464	Súng bắn đinh hạt nổ	Model: K-6890; Hãng Kapusi	Cái	2		≥ 06 tháng					
465	Súng bắn đinh rút	Mã hiệu : STHT69800-8; nhãn hiệu: Stanley	Cái	1		≥ 06 tháng					
466	Súng bắn nhiệt độ	Fluke 62 Max (500 oC); nhãn hiệu : Fluke	Cái	7		≥ 06 tháng					
467	Súng bắn vít	Mã hiệu: Kpt-Sd110A; nhãn hiệu : Kawasaki	Cái	3		≥ 06 tháng					
468	Súng bắn vít dùng pin	Mã hiệu: DF488DWE; nhãn hiệu : Makita	Cái	3		≥ 06 tháng					
469	Súng xịt khí	Model: PA-754-DG-10; nhãn hiệu: TOP	Cái	3		*Không yêu cầu*					
470	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	Lưới đun Amiang 125x125mm	Cái	5		*Không yêu cầu*					
471	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	Lưới đun Amiang 160x160mm	Cái	10		*Không yêu cầu*					
472	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	Lưới đun Amiang 200x200mm	Cái	10		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
473	Tết chèn chì	graphite lõi thép (12x12)mm đặc tính vật liệu: chịu dầu, chịu nhiệt, chịu hóa chất	m	15		*Không yêu cầu*					
474	Tết chèn chì	Quy cách: kích thước vuông 20x20mm; vật liệu: graphite, đặc tính vật liệu: chịu dầu, chịu nhiệt, chịu hóa chất	mét	40		*Không yêu cầu*					
475	Tết chèn chì	Graphite lõi thép 10x10mm đặc tính vật liệu: chịu dầu, chịu nhiệt, chịu hóa chất	m	300		*Không yêu cầu*					
476	Thang chữ A TA-12(loại 1.2m)	Model: Nikita NKT-IN05 (1.2m) Nhãn hiệu : Nikita	Cái	1		*Không yêu cầu*					
477	Thang chữ A TA40 (loại 4m)	Mã hiệu: TA40 (loại 4m) Nhãn hiệu: KNTD	Cái	4		*Không yêu cầu*					
478	Thang nhôm chữ A dài 2.5m	NIKA25; Nhãn hiệu : Nikita	Cái	3		*Không yêu cầu*					
479	Thang rút max 4.9m	Nikita R49 (NKT-TL490); Nhãn hiệu : Nikita	Cái	3		*Không yêu cầu*					
480	Thanh điện cực Magnesium	Magnesium D160x1000	thanh	1		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
481	Thanh nhựa PP	Kích thước: L630 x H30 x 8	cái	12		*Không yêu cầu*					
482	Thanh ren	M16x1000mm	Thanh	2		*Không yêu cầu*					
483	Thùng đựng rác	Dung tích: 120L kích thước: 550 x 470 x 950 mm ±10mm loại có bánh xe	Cái	12		*Không yêu cầu*					
484	Thước căn lá (Dưỡng đo khe hở)	Dải đo: 0.03~1.00; Model: CS-65M; Nhãn hiệu: Niigata	Bộ	2		*Không yêu cầu*					
485	Thước cặp	Dải đo: 0-150mm Model: 530-312 Nhãn hiệu: Mitutoyo	Cái	1		*Không yêu cầu*					
486	Thước cặp	Dải đo: 0-200mm/0.02 Model: 530-118 Nhãn hiệu: Mitutoyo	Cái	1		≥ 06 tháng					
487	Thước cặp	Dải đo: 0-300mm/0.02 Model: 530-119 Nhãn hiệu: Mitutoyo	Cái	1		≥ 06 tháng					
488	Thước cuộn loại 5m	Model: STHT36194; nhãn hiệu : Stanley	Cái	17		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
489	Thước dây loại 50m (Thước dây sợi thủy tinh)	Model: STHT34263-8; nhãn hiệu : Stanley	Cái	2		≥ 06 tháng					
490	Thước điện tử điện tử dải đo 300mm	Model: 570-312, nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
491	Thước lá 1m	Model: SV-1000KD (0-1000mm); nhãn hiệu: Niigata Seiki	Cái	2		*Không yêu cầu*					
492	Thước Panme cơ khí	(Model: 103-140) 75-100mm; cấp chính xác ±3µm; độ chia 0.01mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		*Không yêu cầu*					
493	Thước Panme cơ khí	(103-138) 25-50mm; cấp chính xác ±2µm; độ chia 0.01mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
494	Thước Panme cơ khí	(103-139) 50-75mm; cấp chính xác ±2µm; độ chia 0.01mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
495	Thước Panme cơ khí	(103-141) 100-125mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		*Không yêu cầu*					
496	Thước Panme cơ khí	(103-142) 125-150mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
497	Thước Panme dạng khẩu	(137-205) 50-1500mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Bộ	1		*Không yêu cầu*					
498	Thước Panme đo trong	(145-185) 5-30mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
499	Thước Panme đo trong	(145-186) 25-50mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
500	Thước Panme đo trong	(145-187) 50-75mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
501	Thước Panme đo trong	(145-188) 75-100mm; nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
502	Thước vuông	Model: 2275-300 (300x170mm); Nhãn hiệu: INSIZE	Cái	2		≥ 06 tháng					
503	Tô vít điện 2 cạnh	Model: YT-25907; nhãn hiệu YATO	Cái	28		*Không yêu cầu*					
504	Tô vít điện 4 cạnh	Model: YT-25926; nhãn hiệu YATO	Cái	28		*Không yêu cầu*					
505	Tời lắc bằng tay - 1 tấn	Mã sản phẩm: VR 10; Chiều cao nâng hạ: 1.5 m; Tải trọng: 1000 kg; Thương hiệu: NITTO	Cái	1		≥ 06 tháng					
506	Tời lắc bằng tay - 3 tấn	Mã sản phẩm: VR 30; Chiều cao nâng hạ: 1.5 m;	Cái	1		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
		Tải trọng: 3000 kg; Thương hiệu: NITTO									
507	Tủ điện	Vinaco sơn tĩnh điện (600 x 400 x 220mm)	Cái	2		*Không yêu cầu*					
508	Ty ô cấp nước làm mát dầu	Fng42 x 2 đầu zắc M50 x L1200	cái	2		*Không yêu cầu*					
509	Ty ô cấp nước làm mát dầu	Fng42 x 2 đầu zắc M50 x L530	cái	2		*Không yêu cầu*					
510	Ty ô cấp nước làm mát khí	Fng42 x 2 đầu zắc M50 x L1600	cái	2		*Không yêu cầu*					
511	Ty ô mềm bọc inox	giắc co ren đầu vào/ra M16/M16 Dn21mmxL2000mm	Cái	3		*Không yêu cầu*					
512	Ty ô mềm bọc inox	giắc co ren đầu vào/ra M16/M18 Dn21mmxL2000mm	Cái	3		*Không yêu cầu*					
513	Ty ô mềm bọc inox	Bích 1/2-JIS 10K, đầu ra giắc co khớp nối bi 1/2" Dn30mmxL2000mm	Cái	3		*Không yêu cầu*					
514	Ty ô mềm bọc inox	Bích 3/4-JIS 10K, đầu ra giắc co khớp nối bi 3/4" Dn30mmxL2000mm	Cái	3		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
515	Vải thủy tinh có tráng phủ lớp cách nhiệt khổ 1m	dày 3mm	M	200		*Không yêu cầu*					
516	Vít chìm	M10x45 loại đầu côn phẳng	bộ	1320		*Không yêu cầu*					
517	Vòi cao su áp lực phi 19	D19	M	300		*Không yêu cầu*					
518	Vòi nhựa mềm	F25	m	50		*Không yêu cầu*					
519	Vòi nhựa mềm phi 21	D21	M	200		*Không yêu cầu*					
520	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M10		Cái	20		*Không yêu cầu*					
521	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M12		Cái	20		*Không yêu cầu*					
522	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M6		Cái	20		*Không yêu cầu*					
523	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M8		Cái	20		*Không yêu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
						cầu					
524	Xà beng	1,2-1,5m	Cái	6		*Không yêu cầu*					
525	Xe cải tiến		Cái	5		*Không yêu cầu*					
526	Xe đẩy hàng mặt thép tải trọng 300Kg	Nikawa WFA-300DX	Cái	2		*Không yêu cầu*					
527	Xe nâng tay 1.5 tấn	(Model: CTYE15 Hãng sản xuất : NIULI- Trung Quốc)	Cái	1		*Không yêu cầu*					
528	Xe nâng tay 3 tấn (BF30S)	Mã sản phẩm: BF30S; tải trọng 3000Kg; Nhà sản xuất: Mitsubishi	Cái	1		*Không yêu cầu*					
529	Xe Rùa		Cái	17		*Không yêu cầu*					
530	Xẻng sắt vuông L1		Cái	5		*Không yêu cầu*					
531	Xô nhựa (song long) 20L		Cái	5		*Không yêu cầu*					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật(1)	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng(2)	Thời gian bảo hành(3)	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(5)*(8)*	*(10)*	*(11)=(9)* [1+(10)/100]*	*(12)*
532	Xô nhựa 10L		Cái	26		*Không yêu cầu*					
533	Xô nhựa 5 lít		Cái	16		*Không yêu cầu*					
534	Xô sắt 10 lít		Cái	31		*Không yêu cầu*					
535	Xô sắt 15 lít		Cái	20		*Không yêu cầu*					
536	Xô sắt 5 lít		Cái	70		*Không yêu cầu*					
537	Yếm	20.5-25	Cái	1		*Không yêu cầu*					
538	Yếm	17.5-25	Cái	2		*Không yêu cầu*					

* ***Lưu ý:***

(1) Thông số kỹ thuật:

- Đề nghị nhà cung cấp chào đúng chủng loại vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột (3) trong bảng trên. Trường hợp vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác (mã hiệu khác) thì nhà cung cấp có thể đề xuất sang vật tư, hàng hoá tương đương khác và phải cung cấp các tài liệu để chứng minh vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác và vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp đề xuất là tương đương về **"đặc tính, thông số kỹ thuật; tính năng sử dụng; tiêu chuẩn công nghệ"** với vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên. Nếu nhà cung cấp không cung cấp tài liệu theo yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho mục vật tư, hàng hoá đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán.

- Trường hợp nhà cung cấp phát hiện thông số kỹ thuật được yêu cầu tại cột (3) trong bảng trên không chính xác, đề nghị nhà cung cấp chuẩn xác lại giúp thông số kỹ thuật và cung cấp các tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật do nhà cung cấp điều chỉnh lại là chính xác.

- Đối với hàng hoá có số thứ tự 98 đến số 103, số 108 đến số 110; số 312 đến số 317; số 345 đến số 349; số 409 đến số 413 và số 505,506 trong bảng trên: Là những hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động đề nghị nhà cung cấp chào giá hàng hoá **đã bao gồm đầy đủ tem, phiếu kiểm định của cơ quan chức năng có thẩm quyền (nhà cung cấp chào rõ các giấy tờ cung cấp kèm theo).** Nếu nhà cung cấp không chào đúng yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho hàng hoá đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán.

(2) Tiến độ giao hàng: Đề nghị nhà cung cấp chào tiến độ giao hàng là số ngày kể từ ngày nhận được thông báo cấp hàng;

(3) Thời gian bảo hành: Thời gian bảo hàng tại cột (7) trong bảng trên là thời gian bảo hành được yêu cầu, đề nghị nhà cung cấp chào thời gian bảo hành là số tháng kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá *(đơn giá của vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp chào chỉ được xem xét nếu có thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu tại cột (7) trong bảng trên).*